**BIỂU TỔNG HỢP SỐ 1**

**Giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnhquy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án**

**“Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và mức chi hỗ trợngười dân tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình**

**mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

**giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*(Kèm theo báo cáo số:/BC-SGDĐT ngàytháng11 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

| **STT** | **Đơn vị** | **Góp ý, đề nghị sửa đổi, bổ sung** | **Giải trình, tiếp thu, sửa đổi, bổ sung của Sở GD&ĐT** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Phạm vi điều chỉnh: Xem xét nội dung thời gian chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 chỉ thực hiện cho 1 giai đoạn từ năm 2021-2025 hay chia thành 2 giai đoạn gồm giai đoạn 1: giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2025-2030 để chỉnh sửa lại cho thống nhất với đối tượng áp dụng và nội dung chi. | Tiếp thu và đã chỉnh sửa |
| 2 | Sở Y tế | Đối với dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, tại mục 2, ý b đề nghị bỏ cụm từ *“cũng chỉ”* cho phù hợp với văn phong của văn bản QPPL và bỏ cụm từ “*vùng bãi ngang ven biển hải đảo”*doNghị quyết này chỉ áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;đồng thời đề nghị điều chỉnh kết cấu từ dạng bảng sang dạng văn bản do mục này chỉ quy định một nội dung chi, cụ thể:  ***“ 2. Mức chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030” tối đa 2.350.000đồng/người/giai đoạn, cụ thể:***  *a) Người tham gia học lớp xoá mù chữ: 1.000.000 đồng/người/giai đoạn (Chi trả sau khi người học hoàn thành mỗi giai đoạn học tập)*  *b) Hỗ trợ thêm cho người tham gia học lớp xoá mù chữ là người thuộc một trong các đối tượng sau: Người khuyết tật; bản thân hoặc cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; người ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Mức chi 150.000 đồng/người/tháng trong mỗi giai đoạn học tập (hỗ trợ tối đa 9 tháng/giai đoạn học tập. Nếu người học thuộc nhiều đối tượng khác nhau thì được hưởng chế độ của một đối tượng)”* | Tiếp thu và đã chỉnh sửa |
| 3 | Sở Tư pháp |  |  |
|  |  | **I. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản**  **1.** Để đảm bảo đầy đủ, chính xác theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ đề nghị điều chỉnh cụm từ “Đề án xây dựng xã hội học tập” tại tên dự thảo Nghị quyết và các nội dung có liên quan thành: Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”. | Tiếp thu và sửa theo đề nghị |
|  |  | **2.** Tại phần căn cứ ban hành, để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL, đề nghị bỏ các căn cứ là Quyết định hành chính (Quyết định số 1373/QĐ-TTg, Quyết định số 1719/QĐ-TTg), và các văn bản không phải là căn cứ trực tiếp ban hành Nghị quyết này (bao gồm Luật Ban hành văn bản QPPL; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL; Nghị định số 20/2014/NĐ-CP; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT; Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT). | Tiếp thu và sửa theo đề nghị |
|  |  | **3.** Tên dự thảo Nghị quyết đang được cơ quan soạn thảo xây dựng là “Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với các nhiệm vụ thuộc Đề án xây dựng xã hội học tập và mức chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn” *(Nghị quyết quy định trực tiếp)*. Tuy nhiên, nội dung dự thảo Nghị quyết lại được trình bày theo hướng Nghị quyết ban hành quy định về nội dung, mức chi. Đồng thời để đảm bảo ngắn gọn, thống nhất, đề nghị điều chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết theo hướng Nghị quyết quy định trực tiếp, cụ thể như sau:  Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng  Điều 2. Nội dung và mức chi  Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện  Điều 4. Tổ chức thực hiện | Tiếp thu và sửa theo đề nghị |
|  |  | **II. Về nội dung văn bản**  **1.** Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết  Khoản 1 Điều 1 dự thảo Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết quy định về phạm vi điều chỉnh như sau: *“Nghị quyết này Quy định nội dung chi, mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” (được phê duyệt tại Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ) và mức chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (được phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ), giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn”*.  Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030”: *“Thông tư này không áp dụng đối với các Đề án quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg gồm: Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2030”, Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ đến năm 2030”, Đề án “Xây dựng kho học liệu mở phục vụ tự học và học tập suốt đời trên hệ sinh thái truyền hình giáo dục Việt Nam” và Đề án “Hỗ trợ cán bộ y tế tuyến cơ sở học tập suốt đời về chuyên môn khám chữa bệnh, phòng bệnh”. Việc quản lý và sử dụng kinh phí để thực hiện các Đề án này thực hiện theo các Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”.*  Do đó, đề nghị bổ sung quy định loại trừ đối với các Đề án tương tự như quy định tại trên của Thông tư số 17/2022/TT-BTC. | Tiếp thu và sửa theo đề nghị |
|  |  | **2.** Tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết  **2.1.** Tại điểm b tiết 4  Điểm b, tiết 4, khoản 1 Điều 2 dự thảo Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết quy định mức chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo, đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập như sau: *“Thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do ngân sách địa phương đảm bảo. Riêng mức chi xây dựng phương án điều tra thống kê và lập mẫu phiếu điều tra thống kê và chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra, thống kê áp dụng tối đa 50% mức chi quy định tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh”*.  Tuy nhiên, cũng tại điểm này, dự thảo Nghị quyết lại liệt kê cụ thể các nội dung chi, mức chi, bao gồm:  - Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe để thực hiện công tác thống kê: Theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp;  - Chi tiền công thuê người làm công tác điều tra hoặc làm thêm giờ cho cán bộ, công chức đi điều tra (cán bộ, công chức không được thanh toàn tiền lương làm ngoài giờ và phụ cấp công tác phí): Không quá 165.000đ/ngày;  - Chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo đánh giá: Khoán tiền công, nhưng không quá 3.500.000đ.  Vậy quy định như trên được hiểu như thế nào? *(Ngoài các nội dung chi được liệt kê, có được chi các nội dung khác theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND không?)*  Mặt khác, đối với nội dung chi tiền công, dự thảo Nghị quyết quy định mức chi tiền công thuê người làm công tác điều tra hoặc làm thêm giờ cho cán bộ, công chức đi điều tra (cán bộ, công chức không được thanh toàn tiền lương làm ngoài giờ và phụ cấp công tác phí): Không quá 165.000đ/ngày. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND *(dẫn chiếu đến khoản 5 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC)*, tiền công được quy định riêng cho từng trường hợp: thuê ngoài; trường hợp công chức Văn phòng – Thống kê cấp xã, phường, thị trấn tham gia rà soát, lập danh sách đơn vị được điều tra thống kê, thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê; trường hợp cuộc điều tra thống kê có nội dung điều tra chuyên sâu, phức tạp không sử dụng điều tra viên thống kê thuê ngoài mà sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để thực hiện điều tra thống kê. Vậy, quy định trên của dự thảo Nghị quyết về mức chi tiền công được hiểu và áp dụng như thế nào *(có được tính theo các trường hợp như tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC không?)*. Trường hợp được áp dụng theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC, đề nghị cân nhắc lại việc tính toán, quy định cụ thể mức chi như tại dự thảo Nghị quyết bởi điều này có thể không phù hợp khi mức lương tối thiểu vùng cao nhất có thay đổi.  Ngoài ra, để HĐND tỉnh có cơ sở xem xét, thông qua, đề nghị bổ sung giải trình về lý do đề xuất mức chi, sự phù hợp của mức chi được đề xuất tại quy định: “*Riêng mức chi xây dựng phương án điều tra thống kê và lập mẫu phiếu điều tra thống kê và chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra, thống kê áp dụng tối đa 50% mức chi quy định tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh”.* | Tiếp thu, giải trình như sau:  - Các nội dung liệt kê cụ thể đó để cụ thể hoá một số nội dung chi ở trong Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND. Tuy nhiên, trong Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND còn nhiều nội dung chi khác. Do đó, Sở GD&ĐT bỏ các nội dung chi tiết đó đi.  - Về việc đề nghị bổ sung giải trình về lý do đề xuất mức chi, sự phù hợp của mức chi được đề xuất tại quy định: “*Riêng mức chi xây dựng phương án điều tra thống kê và lập mẫu phiếu điều tra thống kê và chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra, thống kê áp dụng tối đa 50% mức chi quy định tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh”.* …  Các nội dung điểu tra thống kê về phổ cập giáo dục không thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh nên chỉ được áp dụng mức 50%. |
|  |  | **2.2.** Tại điểm a tiết 6  Điểm a tiết 6 quy định về chi cho các hoạt đồng điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục. Đồng thời liệt kê các nội dung chi cụ thể bao gồm: chi cho cán bộ, giáo viên trực tiếp thực hiện điều tra; người trực tiếp thực hiện tổng hợp, xử lý số liệu cấp xã; người trực tiếp thực hiện tổng hợp, xử lý số liệu cấp huyện; người trực tiếp thực hiện tổng hợp, xử lý số liệu cấp tỉnh.  Tuy nhiên, theo điểm a khoản 6 Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC: *“Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (sau đây viết tắt là phổ cập giáo dục): Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC”*. Vậy với quy định trên của dự thảo Nghị quyết, ngoài các nội dung đã được liệt kê, có được chi cho các nội dung chi khác theo Thông tư số 17/2022/TT-BTC không? | Tiếp thu, giải trình như sau:  Nhiệm vụ điều tra thống kê, tổng hợp, xử lý số liệu phổ cập giáo dục, xoá mù chữ là nhiệm vụ thực hiện hàng năm của ngành GD&ĐT. Bộ GD&ĐT đã có mẫu phiếu điều tra và ngành GD&ĐT đã tổ chức tập huấn hướng dẫn điều tra, thu thập, tổng hợp, xử lý số liệu đến các cán bộ, giáo viên và cơ bản hiện nay các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác điều tra đều có thể thực hiện được nhiệm vụ điều tra thống kê, tổng hợp, xử lý số liệu phổ cập giáo dục, xoá mù chữ. Do đó, việc điều tra điều tra, khảo sát phục vụ công tác phổ cập giáo dục không cần thiết phải chi các nội khác ngoài tiền công điều tra, tổng hợp, xử lý số liệu phổ cập giáo dục (chi hỗ trợ cơ quan chủ trì tổ chức Điều tra thống kê xây dựng phương án Điều tra thống kê, lập mẫu phiếu Điều tra thống kê; chi xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho Điều tra viên thống kê; chi in tài liệu hướng dẫn Điều tra thống kê…). Sở GD&ĐT tham mưu chỉ chi tiền công điều tra, tổng hợp, xử lý số liệu phổ cập giáo dục như trong dự thảo Nghị quyết. |
|  |  | **2.3.** Tại điểm c tiết 6  Điểm c khoản 6 Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC quy định: *“Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thắp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa dùng chung (đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm) và chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ: Mức chi cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, quy mô và thời gian hoạt động của các lớp xóa mù chữ”*.  Tại điểm c tiết 6 khoản 1 Điều 2 dự thảo Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết quy định các nội dung, mức chi cụ thể bao gồm:  - Hỗ trợ kinh phí chi thắp sáng ban đêm đối với lớp học xóa mù chữ: 900.000 đồng/lớp/giai đoạn(ứng với mức hỗ trợ 100.000 đồng/lớp/tháng x 9 tháng trong một giai đoạn học tập);  - Chi hỗ trợ mua sổ sách theo dõi quá trình học tập và văn phòng phẩm cho lớp xóa mù chữ: Tối đa 1.000.000 đồng/lớp/giai đoạn;  - Chi mua sách giáo khoa/tài liệu dùng chung đối với lớp xoá mù chữ: Chi theo thực tế nhưng đảm bảo định mức không quá 420.000đ/học viên;  - Chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ:  + Người làm công tác chủ nhiệm lớp xóa mù chữ: 200.000 đồng/lớp/tháng;  + Lãnh đạo của cơ sở giáo dục tổ chức dạy lớp xoá mù chữ (người trực tiếp phụ trách công tác xoá mù chữ): 100.000 đồng/lớp/tháng;  + Người thuộc phòng GD&ĐT trực tiếp phụ trách công tác xoá mù chữ của đơn vị cấp huyện: 100.000 đồng/lớp/tháng.  - Chi hỗ trợ cho người tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ: 100.000 đồng/đối tượng đến lớp và hoàn thành 01 giai đoạn học tập của Chương trình Xoá mù chữ (sau mỗi giai đoạn học tập được hưởng 01 lần).  Như vậy, ngoài các nội dung chi theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC, điểm c tiết 6 khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết còn quy định về chi hỗ trợ mua văn phòng phẩm cho lớp xóa mù chữ, chi mua tài liệu dùng chung đối với lớp xóa mù chữ. Bên cạnh đó, đối với 03 nội dung chi (hỗ trợ kinh phí chi thắp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa dùng chung) dự thảo Nghị quyết quy định cho lớp học xóa mù chữ; trong khi theo Thông tư số 17/2022/TT-BTC, các nội dung này được áp dụng đối với “các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm”. Do đó, đề nghị xem xét lại sự phù hợp của các nội dung trên.  Đối với nội dung chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ, dự thảo quy định bao gồm 02 nội dung chi (Chi phụ cấp cho người làm công tác quản lý lớp học xóa mù chữ; chi hỗ trợ cho người tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ). Đề nghị cân nhắc lại sự phù hợp của nội dung chi phụ cấp cho người làm công tác quản lý lớp học xóa mù chữ (*về sự khác nhau giữa hoạt động quản lý lớp học xóa mù chữ với hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ)*. | Tiếp thu, giải trình như sau:  - Về các thuật ngữ “xoá mù chữ”, “xoá mù chữ ban đêm”: Tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC, có dùng cả thuật ngữ “xoá mù chữ” và “xoá mù chữ ban đêm” (dùng thuật ngữ “xoá mù chữ” nhiều hơn “xoá mù chữ ban đêm”, chỉ có điểm c khoản 6 Điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC là dùng thuật ngữ “xoá mù chữ ban đêm”). Ngoài ra, việc tổ chức các lớp xoá mù chữ có thể linh hoạt, phù hợp với đối tượng học viên, điều kiện thực tế của địa phương nên các lớp xoá mù chữ có thể học cả vào ban ngày (tất nhiên học ban đêm là chủ yếu). Do đó, Sở GD&ĐT đề nghị thống nhất dùng thuật ngữ “xoá mù chữ”.Hiện nay không có khái niệm “các lớp phổ cập” nên dự thảo chỉ quy định cụ thể mức hỗ trợ cho “lớp xoá mù chữ”.  - Về nội dung có thêm hỗ trợ văn phòng phẩm: Việc hỗ trợ văn phòng phẩm cho lớp xoá mù chữ là cần thiết. Tại khoản 6 Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có quy định chi hỗ trợ văn phòng phẩm cho giáo viên và học viên lớp xoá mù chữ. Mặt khác, tại khoản 4 Điều 6Thông tư số 17/2022/TT-BTC quy định*:“Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để thực hiện Đề án tại địa phương, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn lực ngân sách tại địa phương”.*Vì thế cơ quan soạn thảo đưa nội dung hỗ trợ văn phòng phẩm vào dự thảo và việc hỗ trợ văn phòng phẩm chỉ là một ý nhỏ, mức hỗ trợ không nhiều nên Sở GD&ĐT thấy không cần thiết phải tách ra thành một ý riêng mà gộp với “hỗ trợ mua sổ sách theo dõi quá trình học tập”.  - Về việc có thêm cụm từ “tài liệu dùng chung” ở nội dung “*Chi mua sách giáo khoa/tài liệu dùng chung đối với lớp xoá mù chữ”*: Những năm trước, Bộ GD&ĐT sử dụng thuật ngữ “tài liệu xoá mù chữ” chứ không dùng “sách giáo khoa xoá mù chữ”. Hiện nay, Bộ GD&ĐT chưa phê duyệt tài liệu (hoặc sách giáo khoa) dạy lớp xoá mù chữ nên Sở GD&ĐT chưa biết Bộ GD&ĐT quy định gọi là sách giáo khoa hay tài liệu. Vị vậy, dự thảo ghi là “*sách giáo khoa/tài liệu”* để đảm bảo chắc chắn không bị sai tên gọi.  - Đối với đề nghị “cân nhắc lại sự phù hợp của nội dung chi phụ cấp cho người làm công tác quản lý lớp học xóa mù chữ” ở nội dung “chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ”: Sở GD&ĐT tiếp thu và sửa cho phù hợp (tách thành ý riêng). |
|  |  | **3.** Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết  Khoản 2 Điều 2 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ cho người dân tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 như sau: *“Tối đa 2.350.000đ/người/giai đoạn, cụ thể: Người tham gia học lớp xoá mù chữ sau khi hoàn thành 01 giai đoạn học tập được hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/giai đoạn. Ngoài ra, nếu học viên thuộc diện chính sách thì được hỗ trợ thêm 150.000 đồng/người/tháng trong mỗi giai đoạn học tập (hỗ trợ tối đa 9 tháng/giai đoạn học tập)”.*  Tuy nhiên, đoạn sau của dự thảo Quy định lại liệt kê các nội dung chi cụ thể bao gồm:  - Người tham gia học lớp xóa mù chữ: 1.000.000 đồng/người/giai đoạn.  - Người tham gia học lớp xoá mù chữ thuộc diện chính sách (là người thuộc một trong các đối tượng sau: người khuyết tật; bản thân hoặc cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; người ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền): 150.000 đồng/người/tháng trong mỗi giai đoạn học tập (hỗ trợ tối đa 9 tháng/giai đoạn học tập).  Quy định trên có thể dẫn đến cách hiểu: Người tham gia học lớp xóa mù chữ thuộc diện chính sách thì được hỗ trợ 1.500.000đ/người/tháng (hỗ trợ tối đa 9 tháng/giai đoạn, mức hỗ trợ tối đa cho cả giai đoạn là 1.350.000đ/người/giai đoạn); Người tham gia học lớp xóa mù chữ không thuộc diện chính sách thì được hỗ trợ 1.000.000đ/người/giai đoạn.  Như vậy, các quy định trên tại dự thảo là không thống nhất, do đó, đề nghị xem xét điều chỉnh. | Tiếp thu và sửa theo đề nghị. |
|  |  | **4. Nội dung khác**  Theo khoản 5 Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC: *“…Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và trong phạm vi ngân sách nhà nước được giao, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ”.*  Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC giao: *“Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương”* .  Do đó, để HĐND tỉnh có cơ sở xem xét, thông qua, đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung làm rõ sự phù hợp của các mức chi được đề xuất với khả năng cân đối ngân sách địa phương *(đối với các nội dung chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030)* và phạm vi ngân sách nhà nước được giao *(đối với chi hỗ trợ người dân tham gia học lớp xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030)*./. | Tiếp thu và bổ sung làm rõ theo đề nghị. |
| 4 | Sở Tài chính | Cơ sở đề xuất mức chi tại Báo cáo thuyết minh: Đơn vị chưa báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kinh phí những năm trước *(2 năm gần nhất 2020-2021)*; kinh phí dự kiến theo mức chi mới, số kinh phí tăng thêm khi áp dụng mức chi mới; nguồn kinh phí dự kiến từ Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, đối ứng nguồn địa phương theo phân cấp ngân sách, các nguồn hợp pháp khác (nếu có). | Tiếp thu và bổ sung làm rõ theo đề nghị (Có phụ lục báo cáo kinh phí và dự toán kinh phí riêng) |

(có bản chụp 04 ý kiến góp ý gửi kèm)